TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày: 24/01/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Tho.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957 (có mặt).

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1940 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đông Bình, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đông Phú A, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đông Bình, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn Nguyễn Thị S trình bày: Vào năm 2019 Nguyễn Thị S cho Lê Văn H vay 02 chỉ vàng 24k. Đến năm 2020 cho Lê Văn H vay 04 chỉ vàng 24k, cũng trong năm 2020 cho Lê Văn H vay 3.000.000 đồng, các lần cho vay không nhớ ngày tháng. Khi cho vay không có biên nhận, không có ai làm chứng, cho vay không lãi suất. Bà Lê Thị Kim Q có biết việc ông Lê Văn H vay để mua bán trái cây, thời điểm vay ông H và bà Q chưa ly hôn. Quá trình vay bị đơn chưa có trả nợ vốn. Bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Lê Văn H và bà Lê Thị Kim Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S 06 chỉ vàng 24k và 3.000.000 đồng.

Nguyễn đơn Nguyễn Văn N trình bày: Vào khoảng năm 2019 Nguyễn Văn N cho Lê Văn H vay 01 chỉ vàng 24k. Khi cho vay không có biên nhận, không có ai làm chứng, khi cho vay không có thỏa thuận lãi suất, ông Lê Văn H vay mục đích mua bán trái cây, bị đơn chưa có trả nợ vốn. Nguyễn Văn N yêu cầu Lê Văn H trả cho Nguyễn Văn N 01 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Lê Văn H có mặt trình bày như sau: Bị đơn không có vay của bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn N. Nhưng có nghe vợ là Lê Thị Kim Q nói có vay của bà Nguyễn Thị S 06 chỉ vàng 24k và 3.000.000 đồng. Nhưng tại thời điểm đó anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q chưa ly hôn và đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị S 06 chỉ vàng 24k và 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Văn H không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị S 06 chỉ vàng 24k và 3.000.000 đồng vì anh Lê Văn H cho rằng không có vay và hiện tại anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim Q đã ly hôn. Đối với số vàng 01 chỉ vàng 24k của ông Nguyễn Văn N anh Lê Văn H không biết và cũng không có nghe chị Lê Thị Kim Q nói, không đồng ý trả số nợ này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim Q trình bày: Bà Q có biết được ông Lê Văn H vay của bà Nguyễn Thị S 06 chỉ vàng 24 và 3.000.000 đồng. Việc ông Lê Văn H vay của ông Nguyễn Văn N 01 chỉ vàng 24k bà Lê Thị Kim Q không biết. Ông Lê Văn H vay tiền, vàng của bà S về để mua bán trái cây, lúc đó ông H bà Q chưa ly hôn. Vay vàng của ông N dùng để mua mít, bà Q có nghe ông H nói có vay của ông N 01 chỉ vàng 24k, khi mua bán có lời ông H có đưa cho bà Q chi sài trong gia đình. Bà Lê Thị Kim Q đồng ý cùng với ông Lê Văn H trả cho bà Nguyễn Thị S số vàng 06 chỉ vàng 24k và 3.000.000 đồng. Phần vay 01 chỉ vàng của ông Nguyễn Văn N là ông Nguyễn Văn H vay bà Lê Thị Kim Q không biết nên không đồng ý trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Lê Văn H trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị S số tiền 1.500.000 đồng và số vàng 03 chỉ vàng 24k. Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu chị Q trả nợ đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn N không có chứng cứ chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Lê Văn H yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị S số tiền 3.000.000 đồng, số vàng 06 chỉ vàng 24k. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn Lê Văn H yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn Nguyễn Văn N số vàng 01 chỉ vàng 24k, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đông Phú A, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật

là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị S buộc bị đơn Lê Văn H trả số tiền 3.000.000 đồng và số vàng 06 chỉ vàng 24k. Khi cho bị đơn vay không có biên nhận, không có ai làm chứng vì khi đó ông Lê Văn H là con rể của Nguyễn Thị S và lúc đó Lê Văn H với Lê Thị Kim Q chưa ly hôn. Bị đơn nói vay để đi mua bán trái cây, khi cho vay thì chỉ có mình Lê Văn H nhận tiền và vàng vay. Khi vay thì bà Lê Thị Kim Q có biết và đồng ý cùng với ông Lê Văn H trả số nợ này cho nguyên đơn Nguyễn Thị S. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án cho ý kiến. Đến phiên tòa hôm nay ông Lê Văn H có mặt và không thừa nhận nợ của bà Nguyễn Thị S, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 04/03/2021 đối với bị đơn Lê Văn H và biên bản hòa giải ngày 14/4/2021 trong vụ án ly hôn giữa Lê Văn H và Lê Thị Kim Q, thì ông H và bà Q đều thừa nhận có nợ Nguyễn Thị S số tiền 3.000.000 đồng và 06 chỉ vành 24k. Mặc dù bà Nguyễn Thị S không yêu cầu Lê Thị Kim Q trả nợ nhưng khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông H và bà Q. Hội đồng xét xử đưa bà Q vào tham gia tố tụng và buộc bà Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà S là giải quyết toàn diện vụ án. Hiện tại ông Lê Văn H và bà Lê Thị Kim Q đã ly hôn và xác định đây là số nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, nên mỗi người có trách nhiệm trả phân nữa số nợ cho bà Nguyễn Thị S. Nên yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị S là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn N buộc bị đơn Lê Văn H trả số vàng 01 chỉ vàng 24k. Khi cho bị đơn vay không có biên nhận, không có ai làm chứng vì khi đó ông Lê Văn H là con rể của Nguyễn Văn Nâu và Lê Văn H với Lê Thị Kim Q chưa ly hôn. Bị đơn nói vay để đi mua bán trái cây, khi cho vay thì chỉ có mình Lê Văn H nhận vàng vay. Khi vay thì bà Lê Thị Kim Q không có biết nhưng thừa nhận có nghe Lê Văn H nói lại và khi mua bán có lời Lê Văn H cũng đưa tiền cho bà Lê Thị Kim Q mua sắm trong gia đình và cho con đi học. Bà Lê Thị Kim Q không đồng ý trả số vàng 01 chỉ vàng 24k cho ông Nguyễn Văn N. Tại phiên tòa hôm nay và biên bản ghi lời khai ngày 04/03/2021 đối với bị đơn Lê Văn

H và biên bản hòa giải ngày 14/4/2021 Lê Văn H không thừa nhận có thiếu ông Nguyễn Văn N 01 chỉ vàng 24k. Nhưng tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2021 trong vụ án ly hôn giữa Lê Văn H và Lê Thị Kim Q, thì bà Q thừa nhận có nợ Nguyễn Văn N và 01 chỉ vàng 24k. Hiện tại ông Lê Văn H và bà Lê Thị Kim Q đã ly hôn và xác định đây là số nợ bà Q thừa nhận thì phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N 01 chỉ vàng 24k. Mặc dù Nguyễn Văn N không có yêu cầu bà Q trả nợ trong vụ án này, nhưng lời khai của bà Q thể hiện đây là số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Q và ông H, nên yêu cầu của Nguyễn Văn N là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39,147, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1/ Buộc bị đơn Lê Văn H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim Q có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S 06 (sáu) chỉ vàng 24k và 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), trong đó mỗi người có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị S số tiền vay vốn 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) và 03 (ba) chỉ vàng vàng 24k.

1.2/ Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim Q có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn N số vàng 01 (một) chỉ vàng 24k.

2/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn Lê Văn H phải chịu 837.000 đồng (tám trăm ba mươi bảy ngàn đồng). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lê Thị Kim Q phải chịu 1.139.000 đồng (một triệu một trăm ba mươi chín ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

4/ Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân